

CÔNG TY TNHH READ TECH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH READ TECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: READ TECH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: READ TECH

2. Mã số doanh nghiệp: 2301170009

3. Ngày thành lập: 19/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Mao Dộc, Xã Phượng Mao, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0223898111

Fax:

Email: congyreadtech@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
2.	Đúc kim loại màu	2432
3.	Đúc sắt, thép	2431
4.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
5.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
6.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
7.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
8.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
9.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
10.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
11.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
12.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
13.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
14.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
15.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
16.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
17.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
18.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
19.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
20.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
21.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
22.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

23.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
24.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
25.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
26.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
27.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
28.	Xây dựng nhà để ở	4101
29.	Xây dựng nhà không để ở	4102
30.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
31.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
32.	Xây dựng công trình điện	4221
33.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
34.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
35.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
36.	Xây dựng công trình thủy	4291
37.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
38.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
39.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
40.	Phá dỡ	4311
41.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: san lấp mặt bằng	4312
42.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
43.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hoà không khí ; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	4322
44.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
45.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
46.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
47.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
48.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
49.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
50.	Bán buôn thực phẩm	4632
51.	Bán buôn đồ uống	4633
52.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
53.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
54.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
55.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

56.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
57.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết :Bán buôn sắt, thép (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
58.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết : Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi ; Bán buôn xi măng ; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn tre, nứa; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn sơn, vécni	4663
59.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
60.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
61.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
62.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
63.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
64.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
65.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
66.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
67.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
68.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
69.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
70.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
71.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
72.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
73.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
74.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
75.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
76.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
77.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
78.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
79.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
80.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791

81.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
82.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
83.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
84.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
85.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
86.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
87.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
88.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
89.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
90.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
91.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
92.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh kho bãi)	5210
93.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
94.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
95.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
96.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
97.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
98.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
99.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar, vũ trường)	5630
100.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá)	6820
101.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Tư vấn quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình thủy lợi giao thông - Tư vấn quản lý dự án hạ tầng kỹ thuật	7020

102.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn lập dự toán đầu tư, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật; - Tư vấn quản lý dự án, lựa chọn nhà thầu xây lắp; - Tư vấn thẩm tra thiết kế, lập dự toán các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; - Tư vấn, thiết kế hệ thống công trình điện mặt trời, điện gió; - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, công trình giao thông, đường bộ; - Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ điện công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát lắp đặt thiết bị, công nghệ cấp thoát nước - Lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình mà công ty có ngành nghề thiết kế - Thẩm tra thiết kế, thẩm tra dự toán các công trình thuộc lĩnh vực mà công ty có ngành nghề thiết kế - Dịch vụ kiểm định, giám sát chất lượng công trình xây dựng - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp - Thiết kế san nền, hạ tầng kỹ thuật - Thiết kế công trình thủy lợi - Thiết kế công trình giao thông cầu, đường bộ - Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình - Thiết kế cấp, thoát nước, môi trường nước - Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp - Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV - Thiết kế hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động và thiết bị bảo vệ	7110
103.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế nội, ngoại thất	7410
104.	Cho thuê xe có động cơ	7710
105.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
106.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
107.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
108.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty	8299
109.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN LUẬN	Thôn Yên Hà, Xã Yên Lư, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	2.250.000.000	25,000	121540422	
2	LƯƠNG VĂN HOÀNG	Thôn Đa Thịnh, Xã Yên Lư, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	3.420.000.000	38,000	121761199	
3	THÂN VĂN ĐÔNG	Thôn Văn Sơn, Xã Tân Tiến, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	2.250.000.000	25,000	121984829	
4	TẠ MINH GIANG	Thôn Yên Phụng, Xã Yên Lư, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	1.080.000.000	12,000	121540432	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LƯƠNG VĂN HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/03/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121761199

Ngày cấp: 19/12/2017 Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đa Thịnh, Xã Yên Lư, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đa Thịnh, Xã Yên Lư, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh